

DỰ THẢO

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

**thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030
và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045**

Căn cứ Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số trong giai đoạn tới và tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 27/9/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Kết luận số 56-KL/TU ngày 08/12/2025 của Hội nghị lần thứ hai, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi xây dựng Chương trình hành động thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, chính quyền, hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân; quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045 phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt là đối với các dự án mang tính liên kết vùng, có sức lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế của tỉnh, đảm bảo yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương trong thời gian tới.

2. Yêu cầu

Việc cụ thể hóa mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045 của tỉnh phải bám

sát các nội dung tại Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan và tình hình thực tế của tỉnh.

Bảo đảm tính khả thi, trọng tâm, trọng điểm, phát huy tối đa dư địa tăng trưởng; gắn với các điều kiện về nguồn lực, cơ chế thực thi và thẩm quyền của tỉnh. Kế thừa, sàng lọc và cập nhật hệ thống nhiệm vụ của các chương trình, kế hoạch đã ban hành; đồng thời bổ sung các nhiệm vụ mới theo yêu cầu phát triển. Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện, thời gian hoàn thành.

Thành lập Tổ công tác của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để chỉ đạo xuyên suốt thiết kế, giám sát và đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Xây dựng và ban hành 11 nhiệm vụ trọng tâm của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*Nghị quyết, Kết luận, Kế hoạch, Chương trình,...*) để thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045, cụ thể như sau:

3.1. Nhiệm vụ về phát triển thương mại - dịch vụ trên địa bàn tỉnh

- *Mục tiêu tổng quát:* Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình thương mại, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng cao; phát triển đồng bộ kinh tế biển - du lịch - dịch vụ. Thu hút đầu tư phát triển hợp lý hệ thống logistics đường bộ, đường thủy. Phát triển mạnh dịch vụ cảng biển, vận tải biển, logistics dựa trên ưu thế của cảng nước sâu Dung Quất.

- *Mục tiêu cụ thể:* Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực dịch vụ đạt 11% - 12%/năm; tỷ trọng dịch vụ trong GRDP chiếm 31 - 32%.

- *Hoạt động chính:* Gia tăng tiêu dùng cuối cùng trong tỉnh, phát triển doanh nghiệp phân phối, gắn kết lưu thông với sản xuất, đẩy mạnh liên kết các chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa, phát huy các sáng kiến kết nối cung cầu hàng hóa. Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh. Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ; phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số. Cung cấp thông tin dự báo nhằm hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời ứng phó với những biến động thị trường. Tăng cường quản lý thị trường, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại. Phát triển mạnh mẽ kinh tế biển mậu.

- *Cơ quan chỉ đạo:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- *Cơ quan tham mưu:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý I năm 2026.

- *Nguồn lực*: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

3.2. Nhiệm vụ về phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn trên địa bàn tỉnh

- *Mục tiêu tổng quát*: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu, đa dạng hóa các ngành công nghiệp; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp với tốc độ cao, thu hút một số dự án công nghiệp quy mô lớn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phát triển mạnh công nghiệp lọc hóa dầu, sau lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí và công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở phát huy các tiềm năng, lợi thế khác biệt như: trung tâm công nghiệp lọc, hóa dầu, trung tâm công nghiệp đóng tàu, trung tâm sản xuất thép. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp quan trọng khác như: Điện tử, trí tuệ nhân tạo, sinh học, bán dẫn, năng lượng (điện khí, thủy điện, điện mặt trời, điện gió), sản xuất hàng tiêu dùng; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ phát triển nông, lâm, thủy sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn tại các địa bàn có lợi thế.

- *Mục tiêu cụ thể*: Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 12% - 13%/năm; trong đó công nghiệp tăng bình quân 12% - 13%/năm; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP chiếm 44% - 45%.

- *Hoạt động chính*: Chú trọng phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo và các ngành công nghiệp phụ trợ. Bố trí quỹ đất sạch, quy mô lớn để thu hút, kêu gọi nhà tư. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất. Triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia, bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục hỗ trợ, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển công nghiệp của tỉnh như: Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2; dự án Nhà máy sản xuất ray thép và thép đặc biệt; dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp VSIP II Quảng Ngãi (giai đoạn 1); các dự án hạ tầng khu công nghiệp đã được cấp chủ trương đầu tư và đang đề xuất chủ trương; các dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III. Phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ, dược liệu và hàng hóa nông sản, sớm hoàn thành quy hoạch và thu hút đầu tư Khu công nghiệp và sản xuất dược liệu tập trung Đăk Tô. Phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng sạch phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

- *Cơ quan chỉ đạo*: Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- *Cơ quan tham mưu:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý I năm 2026.
- *Nguồn lực:* Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

3.3. Nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp hàng hóa đi vào chiều sâu và bền vững, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ

- *Mục tiêu tổng quát:* Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền. Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế.

- *Mục tiêu cụ thể:* Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5% - 6%/năm.

- *Hoạt động chính:* Cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Rà soát, đẩy mạnh đổi mới, tích tụ đất đai, hình thành “cánh đồng lớn” để phát triển một số vùng, khu sản xuất nông nghiệp tập trung, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, công nghệ cao, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái; tập trung phát triển các sản phẩm đặc hữu, có tiềm năng, lợi thế theo vùng. Đẩy mạnh thu hút đầu tư các cơ sở chế biến sâu, sản xuất các sản phẩm từ dược liệu, phấn đấu đưa tỉnh Quảng Ngãi thành vùng dược liệu trọng điểm quốc gia. Phát triển, mở rộng vùng trồng, nâng tầm thương hiệu một số sản phẩm như quế, cà phê xứ lạnh...; xây dựng vùng nguyên liệu (dứa, chanh dây...) để phục vụ chế biến. Khai thác, nuôi trồng thủy sản bền vững, thân thiện với môi trường. Thu hút, phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế tập thể; trong đó, xây dựng hợp tác xã theo chuỗi liên kết giá trị, cung cấp giống cây trồng, vật nuôi và bao tiêu sản phẩm. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách trong nông nghiệp.

- *Cơ quan chỉ đạo:* Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- *Cơ quan tham mưu:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện:* Quý I năm 2026.
- *Nguồn lực:* Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

3.4. Nhiệm vụ về phát triển du lịch bền vững trên địa bàn tỉnh

- *Mục tiêu tổng quát:* Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Phát huy những tiềm năng, lợi thế đặc biệt của tỉnh cùng các giá trị văn

hóa, lịch sử, con người để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với các hạt nhân: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Phát triển du lịch với định hướng “ba quốc gia, một điểm đến”.

- *Mục tiêu cụ thể:* Tổng số lượt khách du lịch ước đạt 39,1 triệu lượt, trong đó, khách du lịch quốc tế ước đạt 731.000 lượt; tổng thu từ khách du lịch ước đạt 27.900 tỷ đồng, trong đó, thu ngoại tệ ước đạt 165 triệu USD.

- *Hoạt động chính:* Hình thành các tuyến du lịch kết nối giữa cao nguyên, đồng bằng và biển đảo; phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa của mỗi vùng miền, của các đồng bào dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh mang đậm bản sắc Tây Nguyên. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như: Du lịch sinh thái, nông nghiệp; du lịch văn hóa, lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng; du lịch chuyên đề khác (*du lịch chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe; khu nghỉ dưỡng dành cho người cao tuổi...*); ưu tiên sản phẩm du lịch đặc trưng, có bản sắc riêng. Phát triển Khu du lịch Mỹ Khê để sớm được công nhận là khu du lịch quốc gia. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư tổ hợp khu đô thị - dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng, giải trí quy mô lớn, chất lượng cao dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đặc khu Lý Sơn, Khu du lịch Thạch Bích - Núi Chúa, núi Cà Đam,... Thúc đẩy liên kết, hình thành các khu, điểm du lịch những nơi có tiềm năng. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, đổi mới việc tổ chức xúc tiến và quảng bá du lịch của tỉnh.

- *Cơ quan chỉ đạo:* Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- *Cơ quan tham mưu:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý I năm 2026.

- *Nguồn lực:* Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

3.5. Nhiệm vụ về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh

- *Mục tiêu tổng quát:* Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của các cơ quan trong hệ thống chính trị đối với việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách dân tộc. Mở rộng phạm vi, quy mô, đối tượng thực hiện tín dụng chính sách xã hội để góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế, giảm nghèo nhanh và bền vững, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới.

- *Mục tiêu cụ thể:* Phân đấu đến năm 2030, có trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đến năm 2030, phân đấu cơ bản không còn hộ nghèo; 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất.

- *Hoạt động chính:* Thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách dân tộc, nhất là xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát

triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù. Phát triển văn hóa - xã hội, cải thiện khả năng thụ hưởng, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao dân trí, ý thức tự lực, tự cường để vươn lên thoát nghèo bền vững. Thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi; khuyến khích trí thức trẻ, thanh niên tham gia phát triển nông thôn, miền núi, vùng khó khăn.

- *Cơ quan chỉ đạo*: Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- *Cơ quan tham mưu*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện*: Quý I năm 2026.

- *Nguồn lực*: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

3.6. Nhiệm vụ về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh liên kết nội vùng, liên kết vùng, quốc gia

- *Mục tiêu tổng quát*: Tập trung đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội theo phương thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là các dự án trọng điểm có tác động lan tỏa, tạo động lực để phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Phân bổ nguồn lực đầu tư cân đối, công bằng, hợp lý giữa các địa bàn, khu vực. Đầu tư hạ tầng thiết yếu, đầu tư phát triển kinh tế tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- *Mục tiêu cụ thể*: Đầu tư, hoàn thiện mạng lưới cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum, tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, Cảng hàng không Măng Đen; đầu tư, nâng cấp hạ tầng trong Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y. Đẩy mạnh phát triển đô thị, phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thực hiện tốt chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội. Đẩy mạnh đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đầu tư hồ đập, công trình phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

- *Hoạt động chính*:

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho các chương trình, dự án, công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng, làm nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Trong đó, kiến nghị cấp có thẩm quyền và tập trung huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi trong vùng như: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 24, Quốc lộ 40B, Quốc lộ 40, Quốc lộ 14C; tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi; cảng hàng không Măng Đen; sân bay Lý Sơn; hoàn thành tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; tích cực

tham gia xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam... Quan tâm kết nối giao thông nội vùng, nhất là giao thông liên xã, liên thôn.

Đầu tư phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp đồng bộ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Ưu tiên nguồn lực để hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Dung Quất, nhất là hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung, giao thông kết nối cảng biển - khu công nghiệp - khu đô thị, các khu tái định cư. Quan tâm đầu tư hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biên mậu. Quy hoạch, kết nối giữa các phường lân cận là trung tâm của tỉnh trước đây để có sự đầu tư, chỉnh trang phát triển đô thị đồng bộ, khoa học và đảm bảo mỹ quan; tránh phát triển manh mún, tự phát, thiếu liên kết.

Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi, cấp nước sạch nông thôn, dê điều, phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước, chủ động ứng phó với thiên tai; đầu tư, nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, cơ sở hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trên địa bàn tỉnh.

Ưu tiên đầu tư hạ tầng kết nối, đầu tư đồng bộ hạ tầng thiết yếu cụm công nghiệp đang hoạt động và các cụm công nghiệp đầu tư hạ tầng dở dang, nhất là hạ tầng giao thông, điện, cấp thoát nước, hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp đáp ứng nhu cầu thu hút các dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào khai thác vận hành các cụm công nghiệp đã thành lập. Quan tâm đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp phía Tây Quảng Ngãi, vùng miền núi, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. Đồng thời tăng cường thu hút đầu tư và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp mới trong quy hoạch.

- *Cơ quan chỉ đạo*: Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- *Cơ quan tham mưu*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện*: Quý I năm 2026.

- *Nguồn lực*: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

3.7. Nhiệm vụ về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, tư duy mới, uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

- *Mục tiêu tổng quát*: Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; trong đó, chú trọng phẩm chất đạo đức, năng lực, uy tín, chuyên nghiệp; cập nhật, trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng số, tư duy mới; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có khả năng vận dụng công nghệ số, phục vụ nhân dân hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới.

- *Mục tiêu cụ thể*: Tiếp tục đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức thông qua chỉ số KPI; hoàn thiện quy hoạch cán bộ các cấp đảm bảo dân chủ, khách quan, công khai, đúng nguyên tắc, quy trình; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho lãnh đạo, quản lý, cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người

dân tộc thiểu số, cán bộ ở cơ sở nhằm đáp ứng mô hình quản lý mới; thực hiện hiệu quả công tác thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong khu vực công của tỉnh; điều động, luân chuyển tạo nguồn cán bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, năng lực, sáng tạo, trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung.

- *Cơ quan chỉ đạo*: Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- *Cơ quan tham mưu*: Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- *Thời gian thực hiện*: Quý I năm 2026.

- *Nguồn lực*: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

3.8. Nhiệm vụ về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- *Mục tiêu tổng quát*: Đến năm 2030, Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên: Tỉnh công nghiệp với quy mô các ngành chủ lực là lọc hóa dầu, luyện kim thép đứng đầu cả nước. Từng bước xây dựng, mở rộng nền tảng cho các ngành công nghiệp phái sinh giá trị gia tăng cao từ các ngành chủ lực, CN công nghệ cao, công nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch. Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ chất lượng cao gắn với lợi thế riêng của tỉnh, trong đó, tập trung phát triển kinh tế biển gắn với cảng nước sâu Dung Quất, kinh tế cửa khẩu gắn với hành lang Đông - Tây; phát triển du lịch trên cơ sở phát triển các giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan thiên nhiên (Măng Đen, Lý Sơn...). Thử nghiệm và nhân rộng dần, các mô hình nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn. Kinh tế rừng xanh dần trở thành một mũi nhọn của ngành.

Tầm nhìn 2050, Quảng Ngãi là tỉnh phát triển mạnh và bền vững của cả nước: Tỉnh phát triển bền vững và đa dạng. Bên cạnh các ngành có thế mạnh chủ lực, hướng đến Tầm nhìn Việt Nam 2050 về kinh tế xanh, cân bằng, bao trùm, trung hòa các bon. Các chuỗi công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, trung tâm năng lượng tái tạo, năng lượng sạch được hình thành và hoạt động ổn định tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Các loại hình dịch vụ tiên tiến, hiện đại ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, đặc biệt là Logistics, du lịch, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe. Các loại hình nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất qui mô lớn, nông nghiệp tuần hoàn và lâm nghiệp với kinh tế rừng xanh là mũi nhọn của lĩnh vực nông nghiệp.

- *Mục tiêu cụ thể*: Kế thừa các Quy hoạch tỉnh Kon Tum (cũ) và tỉnh Quảng Ngãi (cũ), đánh giá đầy đủ tiềm năng, lợi thế, không gian phát triển mới để điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cho phù hợp. Trong đó, điều chỉnh định hướng phát triển, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá, cập nhật kịch bản và lựa chọn

phương án phát triển mới của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch; phân bố không gian phát triển giữa các ngành, khu vực, đảm bảo sự thống nhất giữa hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, sử dụng đất và bảo vệ môi trường.

- *Hoạt động chính:* Lãnh đạo xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và triển khai thực hiện các nội dung, công việc, nhiệm vụ cụ thể theo quy định pháp luật về quy hoạch với quy trình, thủ tục: Xây dựng, trình quyết định nội dung cần điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán kinh phí điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; Triển khai công tác lựa chọn và ký hợp đồng với Đơn vị tư vấn; Triển khai lập, lấy ý kiến và hoàn thiện nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; Trình thẩm định và trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; Công bố Quy hoạch tỉnh sau khi phê duyệt điều chỉnh.

- *Cơ quan chỉ đạo:* Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- *Cơ quan tham mưu:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý I năm 2026.

- *Nguồn lực:* Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

3.9. Nhiệm vụ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030

- *Mục tiêu tổng quát:* Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước để tạo đột phá tăng trưởng kinh tế - xã hội, ưu tiên dự án kết nối, có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, giảm dần trải, thu hút vốn tư nhân, hướng tới tăng trưởng hai chữ số, phát triển bền vững, kết hợp đầu tư công với hợp tác công-tư (PPP) để phát huy tối đa nguồn lực.

- *Mục tiêu cụ thể:* Thực hiện trên cơ sở cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030, gắn với nguồn lực đầu tư phát triển, đảm bảo đồng bộ, cân bằng giữa các vùng, khu vực; tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đảm bảo các nguồn lực để phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên; đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 75% - 76%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44% - 45%; vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 05 năm đạt ít nhất 560.000 tỷ đồng; đến năm 2030, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%.

- *Hoạt động chính:* Lãnh đạo rà soát, đánh giá tình hình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và dự kiến kết quả thực hiện; trên cơ sở đó tổ chức triển khai xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh giai đoạn 2026-2030 đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối các nguồn vốn (*ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn vốn hợp pháp khác*), quy định

về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh; trong đó tập trung ưu tiên vốn đầu tư cho các dự án trọng điểm, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2026-2030 (*đặc biệt là các công trình hạ tầng giao thông kết nối liên kết vùng, liên tỉnh và kết nối Đông - Tây nội tỉnh, các dự án đường bộ cao tốc, đường ven biển; các công trình xử lý rác thải, nước thải đô thị và ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai...*). Thực hiện các thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư đối với từng dự án đảm bảo tính khả thi về nguồn vốn và hiệu quả đầu tư; quản lý sử dụng vốn, giám sát, báo cáo tiến độ, chất lượng, hiệu quả; tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình và quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành theo đúng quy định.

- *Cơ quan chỉ đạo*: Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- *Cơ quan tham mưu*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện*: Quý I-II năm 2026.
- *Nguồn lực*: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

3.10. Nhiệm vụ về phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh

- *Mục tiêu tổng quát*: Chuyển đổi, phát triển lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh sang ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, hiệu quả, đa giá trị, tập trung quản lý, bảo vệ rừng, nâng cao tỷ lệ che phủ, phát triển rừng sản xuất, rừng gỗ lớn có chứng chỉ bền vững, tăng cường chế biến sâu, ứng dụng công nghệ cao, kết hợp bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng biến đổi khí hậu, tạo việc làm và thu nhập cho người dân, đồng thời góp phần tăng trưởng xanh.

- *Mục tiêu cụ thể*: Xây dựng, triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch phát triển ngành lâm nghiệp. Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 60%. Tập trung thu hút đầu tư trong lĩnh vực kinh tế lâm nghiệp, nhất là thu hút các mô hình nông - lâm kết hợp, trồng rừng, trồng dược liệu dưới tán rừng, đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến gỗ, phát triển du lịch sinh thái. Thực hiện tốt chính sách thúc đẩy xã hội hóa lâm nghiệp, phát triển lâm nghiệp cộng đồng, chính sách cung ứng tín chỉ các-bon rừng, chính sách khoán quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, cộng đồng dân cư.

- *Cơ quan chỉ đạo*: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
- *Cơ quan tham mưu*: Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.
- *Thời gian thực hiện*: Quý I năm 2026.
- *Nguồn lực*: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

3.11. Nhiệm vụ về cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- *Mục tiêu tổng quát:* Xây dựng nền hành chính hiện đại, nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục rà soát, tinh gọn tổ chức bộ máy, đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành. Nâng cao chỉ số cải cách hành chính (PAX INDEX), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh Quảng Ngãi.

- *Mục tiêu cụ thể:* Nâng cao tính năng động, tiên phong, quyết tâm của lãnh đạo các cấp, các ngành và ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ. Đẩy mạnh phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, gắn với cải cách hành chính trong cơ quan quản lý nhà nước. Thực hiện tốt Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Quyết liệt cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh công tác hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, nhất là các nhà đầu tư lớn, thu hút FDI từ các đối tác thuộc các nước phát triển; ưu tiên thu hút ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị kinh tế cao, chuyển giao công nghệ tiên tiến. Thành lập Tổ tư vấn cơ chế, chính sách của tỉnh. Ban hành các quy định, quy chế chỉ đạo, phối hợp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng. Tăng cường gặp gỡ, đối thoại với nhà đầu tư, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc theo quy định của pháp luật.

- *Cơ quan chỉ đạo:* Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- *Cơ quan tham mưu:* Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Thời gian thực hiện:* Quý I năm 2026.

- *Nguồn lực:* Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Danh mục công trình, dự án ưu tiên của địa phương để thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”: Theo Phụ lục đính kèm.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa thực hiện Chương trình hành động bằng kế hoạch cụ thể, bảo đảm sát hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến sâu rộng Chương trình hành động bằng các hình thức phù hợp đến các tổ chức thành viên, đến đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tạo đồng thuận trong thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan chỉ đạo tuyên truyền thực hiện Chương trình hành động trong Đảng bộ tỉnh; chủ trì, phối hợp với các ban đảng Tỉnh ủy tham mưu theo dõi, nắm chặt chẽ tình hình triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện tại các cấp ủy đảng, địa

phương, cơ quan, đơn vị; kịp thời đề xuất biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt, uốn nắn những nơi làm chưa tốt. Đồng thời, phối hợp cơ quan chức năng tham mưu Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện Chương trình hành động theo quy định.

4. Các Ban Đảng Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị có liên quan tham mưu Tỉnh ủy triển khai thực hiện Chương trình này, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2030 và định hướng những năm tiếp theo.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (báo cáo),
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh,
- Đảng ủy UBND tỉnh,
- Tổ công tác chỉ đạo triển khai tổng kết sâu
NQ 05-NQ/TW,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu,
đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- VPTU: CVP, PCVP, P. Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**